

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 25

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT (sau đây viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT GROUP JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hoàng Việt Lâm	Thành viên
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên
Ông Cao Tiến Thành	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT

Cum công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

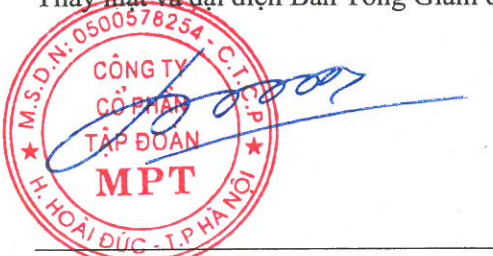
Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Việt Lân**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Số: 224/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT, được lập ngày 31/7/2023, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2023, số dư của toàn bộ hàng tồn kho có giá gốc là 36.995.516.576 VND (tại ngày 01/01/2023: 36.995.516.576 VND). Công ty chưa xác định được đầy đủ tính hiện hữu, tình trạng và giá trị thuần có thể thực hiện của số hàng tồn kho nêu trên để làm cơ sở xác định dự phòng (nếu có) tại ngày 30/6/2023. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các hồ sơ thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này tại ngày 30/6/2023. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi tại ngày 30/6/2023 của khoản phải thu khách hàng: 16.118.065.650 VND, trả trước cho người bán: 5.465.592.502 VND, phải thu ngắn hạn khác: 101.373.778.934 VND, phải thu về cho vay ngắn hạn: 24.500.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2023 với giá trị lần lượt là: 13.511.535.851 VND; 5.465.592.502 VND, 101.373.778.934 VND và 24.500.000.000 VND), được trình bày chi tiết tại các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và thuyết minh số 5.5. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn không biến động số dư qua nhiều kỳ kế toán, đến thời điểm 30/6/2023 với giá trị là 8.647.161.278 VND đồng (tại 01/01/2023: 6.774.395.551 VND), chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét nhưng không thu thập được thông tin của các khoản công nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản phải trả này đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty.

Do ảnh hưởng của các khoản nợ phải thu đã quá hạn thu hồi, tiềm ẩn rủi ro khó đòi nêu trên và giá trị hàng tồn kho chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được với tổng giá trị 184,45 tỷ VND chiếm 93,7% so với tổng giá trị tài sản và 98,8% so với Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2023, dẫn đến Công ty bị thiếu hụt đáng kể vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty có thu hồi được các khoản nợ phải thu nêu trên hay không. Chúng tôi không thể xác định được liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

### **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Do đó chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**Lưu Anh Tuấn**

**Giám đốc kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 07/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>184.819.059.913</b>	<b>185.087.299.933</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>40.157.985</b>	<b>43.877.622</b>
1. Tiền	111		40.157.985	43.877.622
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147.778.550.125</b>	<b>148.047.905.735</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.118.065.650	16.118.065.650
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.509.592.502	5.465.592.502
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	25.405.680.000	25.771.680.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.623.010.792	101.570.366.402
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(877.798.819)	(877.798.819)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.995.516.576</b>	<b>36.995.516.576</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	36.995.516.576	36.995.516.576
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.835.227</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.835.227	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>11.989.879.919</b>	<b>12.052.980.271</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>517.064.589</b>	<b>575.564.589</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	517.064.589	575.564.589
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.201.400.000</i>	<i>1.201.400.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(684.335.411)</i>	<i>(625.835.411)</i>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.464.425.714</b>	<b>11.464.425.714</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	11.464.425.714	11.464.425.714
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.389.616</b>	<b>12.989.968</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	8.389.616	12.989.968
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>196.808.939.832</b>	<b>197.140.280.204</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.200.375.606</b>	<b>10.292.890.972</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.200.375.606</b>	<b>10.292.890.972</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.647.161.278	8.647.161.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	524.652.349	524.652.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.509.000	101.021.366
4. Phải trả người lao động	314		26.100.250	19.829.250
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	19.674.800	18.948.800
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	981.277.929
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>186.608.564.226</b>	<b>186.847.389.232</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>186.608.564.226</b>	<b>186.847.389.232</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.071.640.000	171.071.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		171.071.640.000	171.071.640.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.374.368.368	14.613.193.374
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.613.193.374	16.241.098.812
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(238.825.006)	(1.627.905.438)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>196.808.939.832</b>	<b>197.140.280.204</b>

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2023	ngày 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	52.699.335	121.445.034
7. Chi phí tài chính	22	6.2	-	310.107.058
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	310.107.058
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.3	233.024.341	622.520.466
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+24-(25+26)</b>	<b>30</b>		<b>(180.325.006)</b>	<b>(811.182.490)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		58.500.000	66.058.796
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.4</b>	<b>(58.500.000)</b>	<b>(66.058.796)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(238.825.006)</b>	<b>(877.241.286)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(238.825.006)</b>	<b>(877.241.286)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(14)	(51)

Người lập biểu

Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng

Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

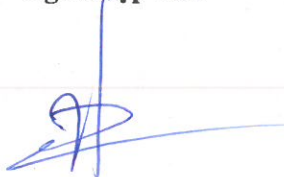
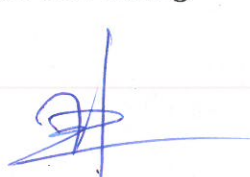
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/06/2023	ngày 30/06/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(238.825.006)	(877.241.286)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		58.500.000	222.243.996
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(52.699.335)	(121.445.034)
- Chi phí lãi vay	06		-	310.107.058
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(233.024.341)</b>	<b>(466.335.266)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		317.219.718	1.880.048.237
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(92.515.366)	(200.921.246)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.600.352	18.000.126
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(155.540.629)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(33.233.318)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.719.637)</b>	<b>1.042.017.904</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	917.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	111.923
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>917.111.923</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	500.000.000
2. Chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.170.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.670.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(3.719.637)</b>	<b>289.129.827</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>43.877.622</b>	<b>102.058.302</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>40.157.985</b>	<b>391.188.129</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lâm Tăng Quảng

Lâm Tăng Quảng

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/1/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 06 người (tại ngày 31/12/2022 là 06 người).

#### **1.2 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc, kinh doanh buôn bán xăng dầu, môi giới, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường tủ, bàn ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom giạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Không phát sinh hoạt động kinh doanh.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Từ năm tài chính 2020, Công ty đã tạm dừng các hoạt động kinh doanh chính như: sản xuất quần áo, bút tất ... Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty tập trung vào hoạt động kinh doanh thương mại và từng bước điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phát triển đội ngũ nhân sự để chuyển đổi ngành nghề kinh doanh định hướng tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực bất động sản cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại trong và ngoài nước.

#### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm 30/6/2023, đối với các khoản nợ phải thu nêu tại các thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, mặc dù được đánh giá khó có khả năng thu hồi nhưng Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi. Bên cạnh việc tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức, nhân sự, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tích cực tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng hàng tồn kho và tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh để bổ sung vốn lưu động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của các sự kiện nêu trên.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu- chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay:** Được ghi nhận theo giá gốc trên cơ sở các Hợp đồng/khế ước nhận nợ giữa các bên và không được giao dịch mua, bán trên thị trường chứng khoán. Thu nhập từ tiền lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận là khoản dự phòng phải thu khó đòi và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Các khoản đầu tư góp vốn khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Ghi nhận doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thương mại và hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam do đó Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không cần thiết phải trình bày Báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.406.000	2.406.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.751.985	41.471.622
<b>Tổng</b>	<b><u>40.157.985</u></b>	<b><u>43.877.622</u></b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc Minh (*)	1.210.423.684	1.210.423.684
Công ty CP Dệt may Hưng Việt (*)	2.633.131.989	2.633.131.989
Công ty CP May Hùng Đông (*)	1.901.396.714	1.901.396.714
Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt (*)	1.697.470.000	1.697.470.000
Công ty CP TM Quốc tế Alena Việt Nam (*)	1.801.976.417	1.801.976.417
Công ty CP Phụ liệu may mặc VTC (*)	938.906.744	938.906.744
Các khách hàng khác (*)	5.934.760.102	5.934.760.102
<b>Tổng</b>	<b><u>16.118.065.650</u></b>	<b><u>16.118.065.650</u></b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá và xác định được khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu với giá trị: 16.118.065.650 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sản xuất KTT - An Nguyễn	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Đỗ Thị Phụng	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khách hàng khác	1.009.592.502	965.592.502
<b>Tổng</b>	<b><u>5.509.592.502</u></b>	<b><u>5.465.592.502</u></b>

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi của khoản trả trước cho người bán: 5.465.592.502 VND (Tại 01/01/2023 là: 5.465.592.502 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Nguyễn Văn Sáng (1)	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường (2)	905.680.000	-	1.271.680.000	-
<b>Tổng</b>	<b>25.405.680.000</b>	<b>-</b>	<b>25.771.680.000</b>	<b>-</b>

(1): Chi tiết các khoản cho vay Ông Nguyễn Văn Sáng như sau:

- Hợp đồng vay số 02/2019/HĐTV ngày 29/6/2019, số tiền: 7.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, đã được gia hạn đến 31/12/2020.
- Hợp đồng vay số 01/2020/HĐTV ngày 01/04/2020, số tiền: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến 31/12/2020.

Các khoản vay trên không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11% năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản nợ gốc cho vay nêu trên cùng với lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh số 5.5.

(2): Hợp đồng cho vay số 25122021/HĐVV/MPT ngày 25/12/2021. Thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng				
- Nguyễn Thị Linh (1)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
- Bùi Việt Quân (1)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hướng Dương (2)	44.400.000.000	-	44.400.000.000	-
Lê Thị Thu Hiền (3)	15.147.000.000	-	15.147.000.000	-
Nguyễn Văn Sáng (lãi vay)	1.238.574.000	-	1.238.574.000	-
Nguyễn Văn Cường (lãi vay)	121.333.111	-	121.333.111	-
Công ty CP Địa ốc Trường Tiền Land (4)	9.068.917.000	-	9.068.917.000	-
Công ty CP ĐTTM Đồng Mô	592.500.000	-	592.500.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý (5)	2.926.787.934	-	2.926.787.934	-
Phải thu khác	127.898.747	-	75.254.357	-
<b>Tổng</b>	<b>101.623.010.792</b>	<b>-</b>	<b>101.570.366.402</b>	<b>-</b>

(1) Khoản tạm ứng cho nhân viên cũ của Công ty để thực hiện công việc kinh doanh theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 26/4/2020.

(2) Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hướng Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/HĐCN ngày 30/11/2018. Bên chuyển nhượng: Ông Đoàn Quang Ảnh, Ông Hoàng Văn Thông và Bà Nguyễn Thị Yêu, bên nhận chuyển nhượng là Công ty CP May Phú Thành, nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Giá trị chuyển nhượng làm tròn: 125 tỷ đồng (990.000 cổ phần x 126.263 đồng/cổ phần). Đến ngày 30/6/2023, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được hoàn tất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

- (3) Phải thu về việc chuyển nhượng cho bà Hiền cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô. Số cổ phần chuyển nhượng: 336.600 cổ phần, giá chuyển nhượng: 45.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng: 15,147 tỷ đồng.
- (4) Phải thu về giá trị còn lại chưa được Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.346.600 cổ phần Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô.
- (5) Giá trị tiền mặt thiếu theo kết quả kiểm kê ngày 31/12/2020.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi: 101.373.778.934 VND (Tại ngày 01/01/2023: 101.373.778.934 VND).

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	877.798.819	-	877.798.819	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Chi tiết các đối tượng đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>Quá hạn trên 6 tháng</i>	<i>Quá hạn 1-2 năm</i>	<i>Quá hạn 2-3 năm</i>	<i>Quá hạn trên 3 năm</i>
Công ty TNHH Trường Thọ Phát				118.898.819
Công ty TNHH Vải Giày Thanh Cường				758.900.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>877.798.819</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.182.221.772	-	6.182.221.772	-
Công cụ, dụng cụ	492.576.549	-	492.576.549	-
Thành phẩm	11.812.303.262	-	11.812.303.262	-
Hàng hóa	18.508.414.993	-	18.508.414.993	-
<b>Tổng</b>	<b>36.995.516.576</b>	-	<b>36.995.516.576</b>	-

Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống (sản xuất quần áo, bút tất ...) để nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển mới. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa xác định được đầy đủ tính hiện hữu và đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu có) đối với lượng hàng tồn kho nêu trên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	8.389.616	12.989.968
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	123.343
Chi phí khác	8.389.616	12.866.625
<b>Tổng</b>	<b>8.389.616</b>	<b>12.989.968</b>

**5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	31.400.000	1.170.000.000	-	1.201.400.000
Số dư ngày 30/06/2023	31.400.000	1.170.000.000	-	1.201.400.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	31.400.000	594.435.411	-	625.835.411
Khấu hao trong kỳ	-	58.500.000	-	58.500.000
Số dư ngày 30/06/2023	31.400.000	652.935.411	-	684.335.411
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	-	575.564.589	-	575.564.589
Tại ngày 30/06/2023	-	517.064.589	-	517.064.589

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/6/2023: 31.400.000 VND (tại ngày 31/12/2022: 31.400.000 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vinh Hưng	11.464.425.714	-	(*)	11.464.425.714	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>11.464.425.714</b>	<b>-</b>	<b>11.464.425.714</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vinh Hưng (Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2004, sửa đổi bổ sung lần thứ 09 ngày 13/12/2019. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt kim: tất, quần áo ... Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vinh Hưng: 80.000.000.000 VND, được chia thành 8.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 VND.

Số cổ phần MPT sở hữu tại thời điểm 30/6/2023 là 1.070.000 cổ phần tương ứng với 13,38% Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vinh Hưng, tỷ lệ quyền biểu quyết: 13,38%.

(\*) Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vinh Hưng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dầu khí Minh Trí	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600
Công ty TNHH XNK Máy và Phụ kiện ngành Dệt may Thiên Phong	717.300.000	717.300.000	717.300.000	717.300.000
Công ty CP may GB	437.921.255	437.921.255	437.921.255	437.921.255
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc Minh	1.567.515.509	1.567.515.509	1.567.515.509	1.567.515.509
Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Hưng Vượng	283.980.179	283.980.179	283.980.179	283.980.179
Các đối tượng khác	748.215.735	748.215.735	748.215.735	748.215.735
<b>Tổng</b>	<b>8.647.161.278</b>	<b>8.647.161.278</b>	<b>8.647.161.278</b>	<b>8.647.161.278</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH SX và TM Phương Mai	192.071.831	192.071.831
Người mua trả tiền trước khác	332.580.518	332.580.518
<b>Tổng</b>	<b>524.652.349</b>	<b>524.652.349</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	Số phát sinh trong kỳ			30/06/2023
	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	100.266.866	-	100.266.866	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	754.500	4.647.738	3.893.238	1.509.000
Thuế Môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>101.021.366</b>	<b>8.647.738</b>	<b>108.160.104</b>	<b>1.509.000</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.753.800	4.027.800
Bảo hiểm xã hội	1.542.750	1.542.750
Bảo hiểm Y tế	272.250	272.250
Bảo hiểm thất nghiệp	121.000	121.000
Các khoản phải trả khác	12.985.000	12.985.000
<b>Tổng</b>	<b>19.674.800</b>	<b>18.948.800</b>

**5.15 Biến động Vốn chủ sở hữu**

**a) Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2022	171.071.640.000	1.162.555.858	16.241.098.812	188.475.294.670
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.627.905.438)	(1.627.905.438)
Số dư 31/12/2022	171.071.640.000	1.162.555.858	14.613.193.374	186.847.389.232
Số dư 01/01/2023	171.071.640.000	1.162.555.858	14.613.193.374	186.847.389.232
Lỗi trong kỳ này	-	-	(238.825.006)	(238.825.006)
Số dư 30/06/2023	171.071.640.000	1.162.555.858	14.374.368.368	186.608.564.226

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**5.15 Biên động Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Các cổ đông	171.071.640.000	171.071.640.000
<b>Tổng</b>	<b><u>171.071.640.000</u></b>	<b><u>171.071.640.000</u></b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022</u>
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu kỳ	171.071.640.000	171.071.640.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối kỳ	171.071.640.000	171.071.640.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.107.164	17.107.164
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.107.164	17.107.164
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.107.164	17.107.164
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.107.164	17.107.164
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.107.164	17.107.164
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu MPT của Công ty bị hạn chế giao dịch từ ngày 02/6/2021 theo Thông báo số 1925/TB-SGDHN ngày 31/5/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu hạn chế giao dịch: 17.107.164 cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	52.699.335	121.445.034
<b>Tổng</b>	<b>52.699.335</b>	<b>121.445.034</b>

**6.2 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	-	310.107.058
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>310.107.058</b>

**6.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	164.582.446	304.946.136
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	123.343	25.129.679
Chi phí khấu hao	-	79.999.998
Thuế, phí, lệ phí	4.689.290	4.918.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.404.907	105.889.262
Chi phí khác bằng tiền	13.224.355	101.637.315
<b>Tổng</b>	<b>233.024.341</b>	<b>622.520.466</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**6.4 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	58.500.000	66.058.796
Tiền chậm nộp, phạt hành chính	-	7.558.796
Khấu hao TSCĐ, chi phí phân bổ khác do dừng sản xuất	58.500.000	58.500.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(58.500.000)</b>	<b>(66.058.796)</b>

**6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(238.825.006)	(877.241.286)
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	58.500.000	142.243.998
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(180.325.006)</b>	<b>(734.997.288)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(238.825.006)	(877.241.286)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(238.825.006)</b>	<b>(877.241.286)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.107.164	17.107.164
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(14)</b>	<b>(51)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**6.7 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	123.343	25.129.679
Chi phí nhân công	164.582.446	304.946.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.500.000	222.243.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.404.907	105.889.262
Chi phí khác bằng tiền	13.224.355	109.196.111
<b>Tổng</b>	<b>286.835.051</b>	<b>767.405.184</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty CP Dệt may Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên kết

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban  
 Tổng Giám đốc và các thành viên thân cận Có ảnh hưởng đáng kể  
 trong gia đình của các thành viên chủ chốt

**Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt**

*Phụ cấp, thù lao của Hội đồng Quản trị*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch HĐQT	-	-
Hoàng Việt Lân	Thành viên HĐQT	-	-
Lưu Quang Minh	Thành viên HĐQT	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

*Lương, phụ cấp của Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Nguyễn Bá Thăng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Cao Tiến Thành	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt (Tiếp theo)**

*Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Người công bố thông tin*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/06/2023	ngày 30/06/2022
		VND	VND
Hoàng Việt Lân	Tổng Giám đốc	-	-
Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	-	72.260.000
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>72.260.000</b>

Ngoài các khoản giao dịch về tiền lương, thù lao với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan.

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng

Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân